

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 17/2018/DS-ST

Ngày: 31/10/2018

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và kiện đòi tài sản”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Bhem Knul.
2. Ông Ngô Văn Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vỉnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2018/TLST-DS, ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc: “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1963 (Có mặt).

Bà Lê Thị X, sinh năm: 1967.

Cùng địa chỉ: Thôn 13, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Lê Thị X ủy quyền cho ông Nguyễn Văn V tham gia tố tụng tại Tòa án theo văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 05 năm 2018.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1957 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Tuấn Th (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng: Bà Dương Thị L (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/03/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị X trình bày: Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2016 vợ chồng ông bà có cho bà Trần Thị Đ vay nhiều lần, khi vay hai bên có lập hợp đồng vay nhưng không thỏa thuận lãi suất, tổng cộng ông bà đã cho bà Đ vay 59.500.000đ và 923 kg cà phê nhân xô, các lần vay cụ thể như sau:

- Ngày 24/11/2013 (âm lịch) tức là ngày 26/12/2013 (dương lịch), ông bà cho bà Đ vay 369 kg cà phê nhân xô và hẹn đến hết tháng 7 năm 2014 âm lịch (ngày 25/8/2014 dương lịch) sẽ trả.

- Ngày 17/11/2015 (âm lịch) tức là ngày 27/12/2015 (dương lịch), ông bà cho bà Đ vay 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), hẹn đến ngày 28/12/2015 (âm lịch) tức là ngày 06/02/2016 (dương lịch) sẽ trả.

- Ngày 22/12/2015 (âm lịch) tức là ngày 31/01/2016 (dương lịch), ông bà cho bà Đ vay 554 kg cà phê nhân xô đã hẹn khi nào cần thì sẽ trả.

- Ngày 23/4/2016 (âm lịch) tức là ngày 29/5/2016 (dương lịch) ông bà cho bà Đ vay 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), và ngày 24/4/2016 (âm lịch) tức là ngày 30/5/2016 (dương lịch) bà Đ có vay thêm 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và hẹn đến ngày 30/4/2016 (âm lịch) tức là ngày 05/6/2016 (dương lịch) sẽ trả.

- Ngày 04/10/2016 dương lịch ông bà cho bà Đ vay 41.500.000 đồng (bốn mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) và hẹn khi nào cần thì sẽ trả.

Mặc dù quá thời hạn trả nợ, vợ chồng ông bà đã trực tiếp gặp bà Đ để đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng bà Đ đều trốn tránh, không chịu trả nợ. Vì vậy vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Lê Thị X khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Đ và chồng là ông Nguyễn Tuấn Th có nghĩa vụ trả 59.500.000 đồng và 923 kg cà phê nhân xô và khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai lập ngày 02 tháng 5 năm 2018 bà Trần Thị Đ chỉ thừa nhận từ năm 2013 đến năm 2016 bà có vay của vợ chồng ông Đ, bà X nhiều lần, tổng

cộng 18.000.000đ tiền mặt và 923kg cà phê nhân xô. Đối với số tiền 18.000.000đ và lãi suất hiện nay bà đã trả đầy đủ cho vợ chồng ông V nhưng vì đã lâu ngày và khi trả nợ bà không yêu cầu ông V viết giấy nên bà không nhớ rõ đã trả cho ông V được bao nhiêu, vào thời gian nào. Đối với khoản vay 41.500.000đ tại giấy vay tiền lập ngày 04/10/2016 thì bà Đ không thừa nhận và cho rằng bà không trực tiếp vay và nhận số tiền này của ông V mà nguồn gốc số tiền này là do ông V yêu cầu quy đổi số cà phê đã vay là 923 kg thành 41.500.000đ đồng thời yêu cầu bà viết giấy vay tại nhà bà Dương Thị L. Khi vay các khoản nợ nói trên thì chỉ một mình bà đứng vay của vợ chồng ông V, mục đích của bà vay số tiền trên là để dùng vào việc buôn bán hàng đa cấp, vì vậy chồng của bà là ông Nguyễn Tuấn Th không biết nên bà chỉ đồng ý một mình chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng ông V số tiền 41.500.000đồng.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 27 tháng 7 năm 2018 người làm chứng bà Dương Thị L trình bày: Việc vay mượn tài sản giữa ông V với bà Đ cụ thể như thế nào thì bà không được biết và bà cũng không được chứng kiến việc chuyển số nợ từ cà phê thành tiền giữa ông V và bà Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn V yêu cầu bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Tuấn Th có nghĩa vụ liên đới trả 59.500.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và 923 kg (chín trăm hai mươi ba ki lô gam) cà phê nhân xô và rút phần yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến.

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn Th đều đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 256, 471, và Điều 474 của BLDS năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Lê Thị X 59.500.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và 923 kg (chín trăm hai mươi ba ki lô gam) cà phê nhân xô. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Bác yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Tuấn Th có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà Trần Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, bà Lê Thị X khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Tuấn Th cư trú tại trú tại thôn P, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và hiện nay đang sinh sống tại Thôn T, xã V trả số tiền 59.500.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và 923 kg (chín trăm hai mươi ba ki lô gam) cà phê nhân xô. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ khởi kiện đề ngày 26/03/2018, ông Nguyễn Văn V, bà Lê Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Tuấn Th trả số tiền 59.500.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh và 923 kg (chín trăm hai mươi ba ki lô gam) cà phê nhân xô xuất phát từ hợp đồng vay tài sản. Trong đó đối với các khoản vay 369 kg cà phê nhân xô và 10.000.000 đồng đã hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại Điều 427 của BLDS 2005 nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do giao dịch dân sự được các đương sự xác lập từ năm 2013 đến năm 2016, trước ngày 01/01/2017 ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Trần Thị Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo tham gia phiên tòa nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn V, bà Lê Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Tuấn Th trả số tiền trả số tiền 59.500.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và 923 kg (chín trăm hai mươi ba ki lô gam) cà phê nhân xô, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ năm 2013 đến năm 2016 bà Trần Thị Đ nhiều lần vay tiền và cà phê của vợ chồng ông

Nguyễn Văn V tổng cộng số tiền đã vay là 59.500.000 đồng và 923 kg cà phê nhân xô là có trên thực tế. Qua các lần vay bà Đ là người trực tiếp viết và ký giấy vay được thể hiện tại các giấy vay: Ngày 26/12/2013 dương lịch bà Đ vay 369 kg cà phê nhân xô; ngày 27/12/2015 dương lịch bà Đ vay 10.000.000 đồng; Ngày 31/01/2016 dương lịch bà Đ vay 554 kg cà phê nhân xô; Ngày 29/5/2016 dương lịch bà Đ vay 7.000.000 đồng, và ngày 30/5/2016 dương lịch bà Đ vay thêm 1.000.000 đồng và ngày 04/10/2016 bà Đ vay 41.500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Đ thừa nhận có vay của ông V số tiền 18.000.000 đồng và 923 kg cà phê nhân xô. Riêng số tiền 41.500.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 04/10/2016 bà Đ cho rằng bà không trực tiếp vay và nhận số tiền này của ông V mà số tiền này là do ông V yêu cầu quy đổi số cà phê đã vay là 923 kg thành 41.500.000đ đồng thời yêu cầu bà viết giấy vay. Tuy nhiên, lời khai của bà Đ không được vợ chồng ông V thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra quyết định yêu cầu bà Trần Thị Đ cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc trả tiền cũng như các tài liệu để chứng minh việc quy đổi cà phê thành tiền nhưng bà Đ không đưa ra được bất cứ tài liệu gì để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ. Vì vậy lời khai của bà Đ là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét thấy việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Số cà phê và số tiền vợ chồng ông V khởi kiện xuất phát từ hợp đồng vay cà phê và hợp đồng vay tiền các bên đã giao kết. Tuy nhiên đối với các khoản vay 369 kg cà phê nhân xô vay ngày 26/12/2013 dương lịch và 10.000.000 đồng vay ngày 27/12/2015 dương lịch hẹn đến ngày 25/8/2014 dương lịch và ngày 06/02/2016 dương lịch sẽ thanh toán. Theo quy định tại Điều 427 của Bộ luật dân sự 2005 thì thời hiệu để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là hai năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại. Vậy nên quyền khởi kiện đối với hai hợp đồng nêu trên đã hết. Căn cứ Điều 256 của BLDS 2005 buộc bà Đ có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông V, bà X số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng và 369 kg cà phê nhân xô là có căn cứ.

Đối với 554 kg cà phê nhân xô vay ngày 31/01/2016 dương lịch và số tiền 7.000.000 đồng vay ngày 29/5/2016 dương lịch, số tiền 1.000.000 đồng vay ngày 30/5/2016 dương lịch và 41.500.000 đồng vay ngày 04/10/2016 đã đến hạn trả nợ nhưng bà Đ vẫn không trả cho vợ chồng ông V là vi phạm nghĩa vụ trả tiền, trả tài sản quy định tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2005.

Tại khoản 1 Điều 474 của BLDS năm 2005 quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Xét thấy yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn V, bà Lê Thị X là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 256; Điều 471; khoản 1 Điều 474 của BLDS năm 2005 buộc bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn V, bà Lê Thị X số tiền 59.500.000 đồng tiền vay gốc (năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và 923 kg (chín trăm hai mươi ba ki lô gam) cà phê nhân xô là hoàn toàn có cơ sở pháp luật.

Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 3 năm 2018 nguyên đơn ông Nguyễn Văn V và bà Lê Thị X yêu cầu vợ chồng ông V trả một khoản tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn V và bà Lê Thị X đã rút yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Tuấn Th có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Qua các lần vay tiền và cà phê chỉ một mình bà Trần Thị Đ trực tiếp giao dịch với vợ chồng ông V, bà X. Khi vay số tiền và tài sản nói trên ông Nguyễn Tuấn Th không được biết, theo bà Đ thì toàn bộ số tài sản bà vay của vợ chồng ông V nói trên bà không sử dụng trong gia đình mà đầu tư vào việc buôn bán hàng đa cấp nên ông Th không biết. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Tuấn Th có nghĩa vụ liên đới cùng bà Đ trả nợ.

[3]Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Buộc bà Trần Thị Đ phải chịu 4.645.630đ (bốn triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức $(59.500.000 \text{ đ} \times 5\%) + (923\text{kg} \times 36.200\text{đ/kg} \times 5\%) = 4.645.630\text{đ}$. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, bà Lê Thị X được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 256, Điều 471; khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, bà Lê Thị X. Buộc bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn

Văn V và bà Lê Thị X 59.500.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và 923 kg (chín trăm hai mươi ba ki lô gam) cà phê nhân xô.

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn V, bà Lê Thị X về việc yêu cầu ông Nguyễn Tuấn Th có nghĩa vụ liên đới cùng bà Đ trả nợ.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Buộc bà Trần Thị Đ phải chịu 4.645.630 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V và bà Lê Thị X được nhận lại 2.410.500 đồng (Hai triệu, bốn trăm mười nghìn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0001699 ngày 28 tháng 3 năm 2018.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, bà Lê Thị X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Trần Thị Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục Thi hành án huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Long

